

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NINH KIỀU  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Phạm Thị Thiện

2/ Bà Hồ Thị Kim Luyến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 124/2020/TLST-HN ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Chí B**

ĐKTT: 9 M, phường X, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Bà **Lương Tuyết L**

ĐKTT: 9 M, phường X, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

*(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2019 và bản tự khai nguyên đơn – ông Lê Chí B - trình bày:

Ông và bà Lương Tuyết L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109.HT.98, quyển số I ngày 16/11/1998. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Ông bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên đã sống ly thân nhiều năm nay. Do đó, ông yêu cầu được ly hôn với bà L. Ông và bà L có 02 con chung tên Lê Chí Đ(nữ) sinh ngày 07/10/2000 và Lê Chí H(nam) sinh ngày 25/9/2009. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Ông bà không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn - bà Lương Tuyết L trình bày như ông Lê Chí B trình bày về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà cũng xác định quá trình chung sống bà và ông B phát sinh mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không hòa thuận, không còn khả năng hàn gắn và đã sống ly thân nhiều năm nay nên đồng ý ly hôn. Bà đồng ý giao con chung tên Lê Chí Hcho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và không cấp dưỡng nuôi con.

Do bà L có đơn xin vắng mặt trong các phiên họp, hòa giải và xét xử của Tòa án nên vụ kiện thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa: ông B và bà L xin vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Lê Chí B và bà Lương Tuyết L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109.HT.98, quyển số I ngày 16/11/1998 nên là hôn nhân hợp pháp. Ông Lê Chí B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lương Tuyết L nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Chí B và bà Lương Tuyết L có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B, bà L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Chí B và lời trình bày của bà Lương Tuyết L:

Theo ông Lê Chí B trình bày thì trong quá trình chung sống giữa ông và bà Lương Tuyết L có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến đời sống vợ chồng không được hòa thuận. Mặc dù ông bà đã tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên đã sống ly thân nhiều năm nay. Lời trình bày của ông B phù hợp với lời trình bày của bà L. Bà L cũng xác định tình cảm giữa bà và ông B không có khả năng hàn gắn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông B. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, ông B và bà L đã sống ly thân nhiều năm nay. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa ông B và bà L mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông B là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Ông B và bà L khai thống nhất có 02 con tên Lê Chí Đ(nữ) sinh ngày 07/10/2000 (nay đã trưởng thành) và Lê Chí H(nam) sinh ngày 25/9/2009. Sau khi ly hôn, ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Bà L cũng

thống nhất với yêu cầu của ông B. Cháu Lê Chí Hcũng có nguyện vọng được sống với ông B. Do đó, giao con chung chưa thành niên cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ông B không yêu cầu cấp dưỡng là sự tự nguyện của ông B nên ghi nhận. Việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông B và bà L xác định không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của ông B, bà L là không có nợ chung. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Ông B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên án:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Chí B.
    - Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Chí B được ly hôn với bà Lương Tuyết L.
    - Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Lê Chí H(nam) sinh ngày 25/9/2009 cho ông Lê Chí B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông B không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con mà không ai được cản trở.

  - Về tài sản chung: Ông B và bà L xác định không có nên không xem xét.
  - Về nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của ông B, bà L là không có nợ chung. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.
2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Lê Chí B phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), cần trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp theo biên lai thu số 002310 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thì ông B đã nộp đủ tiền án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSNDQNK;
- CCTHADSQNK;
- UBND P. X,
- Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thúy Mai**